

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2024

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Liên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Có

Bà Nguyễn Thị Lý

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 949/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị N**; sinh năm 1979

Nơi đăng ký thường trú: **Tổ E H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; có mặt

- *Bị đơn*: Ông **Bùi Quốc H**; sinh năm 1979

Nơi đăng ký thường trú: **Tổ E H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; địa chỉ liên lạc: **I P, tổ F, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Bà **Trần Thị N** và ông **Bùi Quốc H** tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N vào năm 2005. Trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà **N** không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà **N** ông **H** có 02 con chung; **Bùi Anh D**, sinh năm 2005 (đã trưởng thành); **Bùi Thị Phương L**, sinh ngày 30/9/2011. Khi ly hôn bà **N** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Bùi Thị Phương L**. Bà **N** không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*-Bị đơn ông **Bùi Quốc H** trình bày tại tài liệu có trong hồ sơ, tại phiên tòa:*

Ông **H** và bà **N** kết hôn năm 2004, có 02 con chung là **Bùi Anh D**, sinh năm 2005 và **Bùi Phương L**, sinh năm 2011. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà **N** gây áp lực nên ông **H** phải bỏ đi. Tuy nhiên, ông **H** vẫn làm việc và đóng tiền học cho 02 con. Nay bà **N** yêu cầu ly hôn ông **H** đồng ý.

Về con chung: Ông **H** đồng ý giao con chung là cháu **L** cho bà **N** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị N** và ông **Bùi Quốc H** kết hôn tự nguyện vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa** nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Bà **N** không còn tình cảm với ông **H** nên yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là chính đáng, có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà **N** ông **H** có 02 con chung là **Bùi Anh D**, sinh năm 2005 (đã trưởng thành); **Bùi Thị Phương L**, sinh ngày 30/9/2011. Bà **N** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Bùi Thị Phương L**. Xét thấy, yêu cầu của bà **N** là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xét.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Tuyên xử:*

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà **Trần Thị N** được ly hôn ông **Bùi Quốc H**.

Về con chung: Giao cho bà **Trần Thị N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung **Bùi Thị Phương L**, sinh ngày 30/9/2011

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xét.

Ông **H** có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà **Trần Thị N** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000086 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà **N** đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- CCTHADS Tp. Nha Trang;
- Các đương sự;
- UBND P, Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (ĐKKH ngày 12/01/2005);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Thị Liên